

Số: 2422./QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm thiết yếu năm 2022-2023

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3446/QĐ-BYT ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển đổi loại hình hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1682/QĐ-BVĐHYD ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm thiết yếu năm 2022-2023;

Theo Đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 04/TTr-TCG ngày 28 tháng 9 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm thiết yếu năm 2022-2023 và Báo cáo thẩm định số 03/BCTĐ-TTĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm thiết yếu năm 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất xét nghiệm thiết yếu năm 2022-2023 với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu, số danh mục, giá trúng thầu như sau:

Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
1	1	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất A.V.L	1	427.770.000
2	2	Công ty TNHH B.C.E Việt Nam	4	503.719.688
3	3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	6	1.484.348.400

Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
4	7	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Labone	1	24.300.000
5	8	Công ty Cổ phần Medcomtech	3	3.558.996.000
6	9	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	9	200.745.700
7	10	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	6	2.661.809.640
8	11	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nam Trung	5	1.066.226.880
9	12	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	2	365.303.232
10	13	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông	1	1.269.723.000
11	14	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	14	18.609.804.750
12	16	Công ty Cổ phần Công nghệ TBR	3	105.912.000
13	18	Công ty Cổ phần Thiết Bị Sài Gòn	3	1.530.400.000
14	21	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Kỹ thuật Việt Huy	1	652.680.000
15	22	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	7	155.014.000
Tổng cộng			66	32.616.753.290

- Giá trúng thầu: 32.616.753.290 VND (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi đồng).

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Khoa Dược chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Khoa Dược và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (B03-059-nhnga) (10).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Bắc





PHỤ LỤC 1: DANH MỤC TRÚNG THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 243/QĐ-BVĐHYD ngày 07 tháng 10 năm 2022)

STT		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
1. Công ty TNHH Thương mại và sản xuất A.V.L											Tổng cộng: 01 danh mục		Trị giá: 427.770.000 VND		
1	1	4	Điện di miễn dịch trên hệ thống điện di 8 mao quản	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất A.V.L	V8 Immunodisplacement Kit	800300	Helena Biosciences Europe	Anh	Helena Biosciences Europe/ Anh	Test	700	611.100	427.770.000	
2. Công ty TNHH B.C.E Việt Nam											Tổng cộng: 04 danh mục		Trị giá: 503.719.688 VND		
2	1	6	Đầu tip hai lớp lọc 0.1 – 10µL	Không phân nhóm	Công ty TNHH B.C.E Việt Nam	ep Dualfilter T.I.P.S., PCR clean and sterile, 0.1 – 10 µL M, 40 mm	0030078519	Eppendorf	Đức		Cái	20.736	5.458	113.177.088	
3	2	7	Đầu tip hai lớp lọc 0.5-20µL	Không phân nhóm	Công ty TNHH B.C.E Việt Nam	ep Dualfilter T.I.P.S.®, PCR clean and sterile, 2 – 20 µL, 53 mm	0030078535	Eppendorf	Đức		Cái	14.400	5.167	74.404.800	
4	3	8	Đầu tip 2 lớp lọc 2 – 200µL	Không phân nhóm	Công ty TNHH B.C.E Việt Nam	ep Dualfilter T.I.P.S.®, PCR clean and sterile, 2 – 200 µL, 55 mm	0030078551	Eppendorf	Đức		Cái	23.760	5.167	122.767.920	
5	4	9	Đầu tip 2 lớp lọc 50 – 1000µL	Không phân nhóm	Công ty TNHH B.C.E Việt Nam	ep Dualfilter T.I.P.S.®, PCR clean and sterile, 50 – 1,000 µL, 76 mm	0030078578	Eppendorf	Đức		Cái	34.760	5.563	193.369.880	
3. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân											Tổng cộng: 06 danh mục		Trị giá: 1.484.348.400 VND		
6	1	10	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC)	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	Eluent 90B	105725	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	ml	33.600	4.166	139.977.600	
7	2	11	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C theo phương pháp HPLC	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	Column Unit 90	105723	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	Test	28.000	8.800	246.400.000	
8	3	12	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	Eluent 90A	105724	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	ml	57.600	7.080	407.808.000	
9	4	13	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS)	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	Eluent 90CV	105726	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	ml	46.800	4.166	194.968.800	
10	5	14	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	Hemolysis Washing Solution 90H	105728	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	lít	150	2.833.000	424.950.000	
11	6	15	Hóa chất xét nghiệm thể ceton	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	β-Hydroxybutyrate LiquiColor	2440-058	Stanbio Laboratory	USA	Stanbio Laboratory /USA	ml	800	87.805	70.244.000	

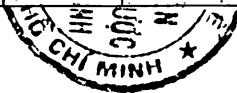


STT	Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
4. Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Labone										Tổng cộng: 01 danh mục		Trị giá: 24.300.000 VND		
12	1	107	Tube trữ lạnh, thể tích 2ml	Không phân nhóm	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Labone	Ống trữ mẫu Vials	81-8204	BIOLOGIX PLASTICS (CHANGZHAU) Co.,Ltd	Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	18.000	1.350	24.300.000
5. Công ty Cổ phần Medcomtech										Tổng cộng: 03 danh mục		Trị giá: 3.558.996.000 VND		
13	1	37	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông EDTA K2 2ml	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Medcomtech	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông EDTA K2 2ml	13505	Vacutest Kima S.r.l	Ý	Vacutest Kima S.r.l/Ý	Ống	580.000	1.800	1.044.000.000
14	2	38	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 4ml, nắp màu hồng	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Medcomtech	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 4ml, nắp màu hồng	12032	Vacutest Kima S.r.l	Ý	Vacutest Kima S.r.l/Ý	Ống	487.000	2.409	1.173.183.000
15	3	39	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 2ml	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Medcomtech	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 2ml	12005	Vacutest Kima S.r.l	Ý	Vacutest Kima S.r.l/Ý	Ống	557.000	2.409	1.341.813.000
6. Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong										Tổng cộng: 09 danh mục		Trị giá: 200.745.700 VND		
16	1	18	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 100-120ml	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Specimen Container 120mL	V.024.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Cái	1.360	3.045	4.141.200
17	2	19	Ống nghiệm Serum, nắp đỏ	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Serum Tubes	V.011.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Ống	54.000	605	32.670.000
18	3	22	Ống nghiệm chimigly 2ml, nắp xám	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Glucose Tubes	V.016.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Ống	17.400	640	11.136.000
19	4	23	Ống nghiệm Trisodium Citrate 3,8%, 2ml	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Citrate Tubes	V.014.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Ống	10.000	625	6.250.000
20	5	24	Ống nghiệm có chất chống đông EDTA 2ml	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL EDTA Tubes	V.010.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Ống	39.300	625	24.562.500
21	6	25	Ống nghiệm EDTA nắp cao su 1ml → 2ml	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL EDTA Tubes 2ml, rubber cap	V.010.002	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Ống	30.000	1.005	30.150.000
22	7	26	Ống nghiệm chứa chất kháng đông Heparin lithium, 2ml (nắp đen, nắp trắng)	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Heparin Tubes	V.012.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Ống	120.000	690	82.800.000
23	8	42	Đầu tip vàng có khóa, 1-200 µL	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Pipette Tips 200ul	V.008.200	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Cái	84.000	84	7.056.000
24	9	43	Đầu tip xAnh 1-1000 ul	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Pipette Tips 1000ul	V.009.1000	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	Cái	18.000	110	1.980.000

STT	Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
7. Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm										Tổng cộng: 06 danh mục		Trị giá: 2.661.809.640 VND		
25	1	46	Hóa chất định lượng Glucose	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	GLUCOSE	OSR6221	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	27.520	16.086	442.686.720
26	2	47	Hóa chất định lượng Uric acid	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	URIC ACID	OSR6298	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	19.920	31.794	633.336.480
27	3	48	Hóa chất định lượng α -Amylase	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	α-AMYLASE	OSR6106	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	2.200	66.717	146.777.400
28	4	49	Hóa chất định lượng CRP latex	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	CRP LATEX	OSR6199	Denka Seiken Co. Ltd., Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Nhật Bản	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	1.680	64.113	107.709.840
29	5	50	Công phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đồng máu tự động	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	ACL TOP Cuvettes	0029400100	Sunrise Technologies SA, Tây Ban Nha sản xuất cho Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	Tây Ban Nha	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	Cong	218.400	3.948	862.243.200
30	6	51	Hóa chất xét nghiệm Coombs gián tiếp - trực tiếp và Crossmatch	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	DG Gel Coombs	210342	Diagnostic Grifols, S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Diagnostic Grifols, S.A., Tây Ban Nha	Test	32.000	14.658	469.056.000
8. Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nam Trung										Tổng cộng: 05 danh mục		Trị giá: 1.066.226.880 VND		
31	1	53	Công phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động vi hạt phát quang	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity Reaction Vessels	6P14-01	Abbott Laboratories Diagnostics Division	Mỹ	Abbott GmbH & Co. KG, Đức	Cong	240.000	1.157	277.680.000
32	2	57	Nước rửa sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity i-series Concentrated Wash Buffer	6P13-68	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	Lít	904	277.695	251.036.280
33	3	58	Hóa chất định lượng PIVKA-II	Nhóm 6	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity i PIVKA-II Reagent Kit	1R17-22	Denka Seiken Co.,Ltd	Nhật Bản	Abbott GmbH & Co. KG, Đức	Test	900	457.480	411.732.000
34	4	59	Dung dịch rửa hệ thống sinh hóa	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity c-series Acid Wash	8P77-40	Fisher Diagnostics	Mỹ	Abbott GmbH & Co. KG, Đức	Lít	29	2.375.400	68.886.600
35	5	60	Dung dịch hỗ trợ xét nghiệm sinh hóa	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity c-series Alkaline Wash	8P78-40	Fisher Diagnostics	Mỹ	Abbott GmbH & Co. KG, Đức	Lit	22	2.586.000	56.892.000

STT	Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
9. Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia										Tổng cộng: 02 danh mục		Trị giá: 365.303.232 VND		
36	1	61	Hóa chất xét nghiệm IgG anti dsDNA phương pháp ELISA	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	IgG anti dsDNA	DSDNA.CE	DIA.PRO Diagnostic BioProbes S.r.l.	Ý	DIA.PRO Diagnostic BioProbes S.r.l. - Ý	Test	4.608	55.650	256.435.200
37	2	62	Hóa chất xét nghiệm Anti C1q phương pháp ELISA	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	Anti C1q ELISA	EIA-5762	DRG Instruments GmbH	Đức	DRG Instruments GmbH - Đức	Test	672	162.006	108.868.032
10. Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông										Tổng cộng: 01 danh mục		Trị giá: 1.269.723.000 VND		
38	1	64	Hóa chất tách chiết Virus trong mẫu bệnh phẩm (Kèm phụ kiện)	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông	QIASymphony DSP Virus/Pathogen Mini Kit	937036	Qiagen GmbH	Đức	Qiagen GmbH - Đức	Test	9.302	136.500	1.269.723.000
11. Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương										Tổng cộng: 14 danh mục		Trị giá: 18.609.804.750 VND		
39	1	65	Hóa chất định tính Anti-HCV phương pháp điện hóa phát quang trên máy miễn dịch tự động	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07026889190 Anti- HCV G2 Elecsys E2G 300	07026889190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	51.000	72.261	3.685.311.000
40	2	66	Hóa chất định lượng ACTH phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07026684190 Elecsys ACTH	07026684190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	1.500	73.427	110.140.500
41	3	67	Hóa chất định lượng Anti-Hbs phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08498610190 Anti- HBs G2 Elecsys E2G 300 V2	08498610190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	42.000	25.641	1.076.922.000
42	4	68	Đầu côn mẫu sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa/miễn dịch tự động	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05694302001 AssayTip/AssayCup tray	05694302001	Flex Precision Plastics Solutions (Switzerland) AG / Balda Medical GmbH / Eppendorf SE / Nypro Healthcare GmbH	Thụy sỹ/Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Cái	907.200	508	460.857.600
43	5	69	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3 phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07027001190 CA 15-3 G2 Elecsys E2G 300	07027001190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	5.100	73.427	374.477.700
44	6	70	Hóa chất xét nghiệm CEA phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07027079190 CEA Elecsys E2G 300	07027079190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	15.000	41.958	629.370.000
45	7	71	Hóa chất xét nghiệm HBsAg phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08814848190 Elecsys HBsAg II 300T e8	08814848190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	66.000	25.641	1.692.306.000
46	8	72	Hóa chất định lượng Troponin T hs	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08469873190 Troponin T hs Elecsys E2G300	08469873190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	62.400	42.000	2.620.800.000

STT		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
47	9	73	Hóa chất xét nghiệm proBNP phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08836752190 Elecsys proBNP II 300T e8	08836752190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	21.000	243.600	5.115.600.000
48	10	74	Hóa chất xét nghiệm FT3 phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	09005811190 Elecsys FT3 G3 300T e8	09005811190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	3.600	25.641	92.307.600
49	11	75	Hóa chất xét nghiệm FT4 phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07976887190 FT4 G3 Elecsys E2G 300	07976887190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	36.000	25.641	923.076.000
50	12	76	Hóa chất xét nghiệm TSH phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08443432190 TSH Elecsys E2G 300 V2	08443432190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	30.600	25.641	784.614.600
51	13	77	Hoá chất chạy máy điện giải	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	03112349180 SNAPPAK 9180 9181	03112349180	Roche Diagnostics GmbH	Hoa Kỳ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Cái	33	4.173.750	137.733.750
52	14	78	Hóa chất xét nghiệm AFP phương pháp điện hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07026706190 AFP Elecsys E2G 300	07026706190	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	24.000	37.762	906.288.000
12. Công ty Cổ phần Công nghệ TBR										Tổng cộng: 03 danh mục		Trị giá: 105.912.000 VND		
53	1	86	Ống ly tâm 15ml đáy nhọn	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Công nghệ TBR	Ống nghiệm ly tâm nhựa nắp xanh, 15ml, đã tiệt trùng	CFT-511-150	JET BIOFIL	Trung Quốc	JET BIOFIL- Trung Quốc	Cái	38.300	2.640	101.112.000
54	2	94	Que cấy dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, vòng cấy 1µL	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Công nghệ TBR	Que cấy nhựa 1µl, pack 20 que, gói 25 pack, ABT	NLD390	Hangzhou Rollmed	Trung Quốc	Hangzhou Rollmed – Trung Quốc	Cái	6.000	120	720.000
55	3	95	Que cấy nhựa tiệt khuẩn vòng cỡ 10µL	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Công nghệ TBR	Que cấy nhựa 10µl, pack 20 que, gói 25 pack, ABT	NLD389	Hangzhou Rollmed	Trung Quốc	Hangzhou Rollmed – Trung Quốc	Cái	6.000	680	4.080.000
13. Công ty Cổ phần Thiết Bị Sài Gòn										Tổng cộng: 03 danh mục		Trị giá: 1.530.400.000 VND		
56	1	82	Holder kết nối nửa ống nghiệm chân không và kim lấy máu chân không, sử dụng nhiều lần	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết Bị Sài Gòn	BD Pronto™ Quick Release Holder	368872	Nipro Medical Industries Ltd.	Nhật Bản	Becton, Dickinson and Company/ Mỹ	Cái	17.000	24.400	414.800.000
57	2	83	Kim lấy máu chân không 22G x 1 1/2", đốc đục, phủ silicone	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết Bị Sài Gòn	BD PrecisionGlide™ Multi Sample Needle	360211	Becton, Dickinson and Company	United Kingdom	Becton, Dickinson and Company/United Kingdom	Cái	348.000	2.700	939.600.000
58	3	85	Giấy thấm mẫu máu khô chuyên dụng dùng cho sàng lọc sơ sinh	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết Bị Sài Gòn	PerkinElmer 226 Sample Collection Device	Không có	PerkinElmer Health Sciences, Inc.	Mỹ	PerkinElmer Health Sciences, Inc/Mỹ	Tờ	11.000	16.000	176.000.000



STT	Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
14. Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Kỹ thuật Việt Huy										Tổng cộng: 01 danh mục		Trị giá: 652.680.000 VND		
59	1	90	Hóa chất tách chiết DNA/RNA genomic, từ nhiều nguồn mẫu đầu vào	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Kỹ thuật Việt Huy	Invisorb Spin Universal Kit	1050100300	INVITEK Molecular GmbH	Đức	INVITEK Molecular GmbH/ Đức	Test	7.000	93.240	652.680.000
15. Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab										Tổng cộng: 07 danh mục		Trị giá: 155.014.000 VND		
60	1	1	Hộp chứa tube trữ lạnh 1.5 - 2.0 ml	Không phân nhóm	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	Cryogenic Storage Boxes-PP, 2 inch, 100 wells, PP	FB-1200	Haimen	Trung Quốc	Haimen-Trung Quốc	Cái	400	100.000	40.000.000
61	2	5	Ống Eppendorf 1.5ml có nắp	Không phân nhóm	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	1.5ml MicroTube	TUBE-170-C	Extragene	Đài Loan	Extragene-Đài Loan	Cái	66.000	600	39.600.000
62	3	87	Ống ly tâm 50ml đáy nhọn	Không phân nhóm	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	50ml Centrifuge Tube with Screw Cap, Sterile	ACT-50-B-S	Accumax	Ấn Độ	Accumax-Ấn Độ	Cái	1.000	5.000	5.000.000
63	4	88	Ống siêu ly tâm 1.7ml, màu trắng	Không phân nhóm	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	1.7 ml Micro Centrifuge Tube, Natural, Sterile	ACT-017-B-S	Accumax	Ấn Độ	Accumax-Ấn Độ	Cái	37.000	630	23.310.000
64	5	89	Ống siêu ly tâm 1.7ml, nhiều màu	Không phân nhóm	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	1.7 ml Micro Centrifuge Tube, Color (C=GREEN/ORGANG E/RED/BLUE/YELLO W/VIOLET)	ACT-017-B-C	Accumax	Ấn Độ	Accumax-Ấn Độ	Cái	22.000	520	11.440.000
65	6	96	Típ lọc (Filter Pipet Tip) 100-1000 ul	Không phân nhóm	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	1000ul Filtered Tips, Universal Fit, Racked, Natural - Sterile	8002014	ZMB	Trung Quốc	ZMB-Trung Quốc	Cái	11.520	1.200	13.824.000
66	7	97	Típ lọc (Filter Pipet Tip) 1-200 ul	Không phân nhóm	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	200ul Long Filtered Tips, Universal Fit, Racked, Natural - Sterile	8002013	ZMB	Trung Quốc	ZMB-Trung Quốc	Cái	18.200	1.200	21.840.000
Tổng cộng: 66 danh mục										Tổng giá trị: 32.616.753.290 VND				

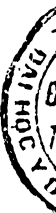
(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi đồng)

14

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KHÔNG LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 2433/QĐ-BVĐHYD ngày 07 tháng 10 năm 2022)

Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
1	2	Phiến kính 24x60mm	Phiến kính dùng làm tiêu bản tế bào kích thước 24x60 (+/- 2) mm	Không phân nhóm	Cái	1.500	2.376	3.564.000
2	3	Ống đựng mẫu nước tiểu 100x16mm có nắp, kèm ly lấy nước tiểu	Ống đựng mẫu nước tiểu có nắp - Chất liệu bằng nhựa PS trong suốt, kèm ly lấy nước tiểu - Kích cỡ: 100x16 (+/- 2) mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 6	Cái	276.500	880	243.320.000
3	16	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm tiệt khuẩn 40-50ml	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm - Dung tích 40-50ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Đặc điểm: có nhãn ghi thông tin mẫu bệnh phẩm, có nắp đậy kín. - Đóng gói tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 5	Cái	36.875	1.200	44.250.000
4	17	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 40-50ml	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm không tiệt khuẩn - Dung tích: 40-50ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Đặc điểm: có nhãn ghi thông tin mẫu bệnh phẩm, có nắp đậy, có thìa lấy mẫu phân bên trong gắn với nắp đậy. - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 5	Cái	11.000	1.232	13.552.000
5	20	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 40-50ml	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm không tiệt khuẩn - Dung tích: 40-50ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 5	Cái	11.500	1.200	13.800.000
6	21	Ống nghiệm 5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa. - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích tối đa 6ml - Chất liệu nhựa PS trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu trắng - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 5	Cái	84.000	305	25.620.000
7	27	Ống nghiệm nhựa PS/PP 5ml có nắp, tiệt khuẩn	Ống nghiệm nhựa tiệt khuẩn - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích tối đa 6ml - Chất liệu nhựa PS/PP trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu trắng - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 5	Cái	6.000	315	1.890.000
8	28	Que gòn xét nghiệm đựng trong ống nhựa tiệt khuẩn	Que gòn tiệt khuẩn, 1 đầu gòn, đựng trong ống nhựa tiệt khuẩn. Dùng lấy mẫu bệnh phẩm.	Nhóm 6	Cái	21.900	1.470	32.193.000
9	29	Lọ đựng bệnh phẩm 55ml	Lọ đựng bệnh phẩm. - Dung tích tối đa 60ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không lẫn tạp chất, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ. - Tiêu chuẩn ISO 13485.	Nhóm 5	Cái	52.500	1.020	53.550.000
10	30	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy huyết học	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy huyết học. - Sử dụng để định lượng các thông số: Nồng độ hồng cầu lưới (#RETIC), % hồng cầu lưới (% RETIC), lượng hemoglobin trong tế bào hồng cầu lưới (CHr). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Oxazine; N-Tetradecyl-N,N-dimethyl-3-ammonio-1-propane sulfonate; N,N-dimethylformamide. - Đóng gói: ≤ 1000 mL/ Hộp - Tiêu chuẩn: FDA/ISO 13485.	Nhóm 3	ml	6.560	12.632	82.865.920
11	31	Hóa chất rửa hệ thống huyết học	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium hydroxide, ethanol, chất hoạt động bề mặt. - Đóng gói: ≤ 2000 mL/ Hộp - Tiêu chuẩn: FDA/ISO 13485.	Nhóm 3	ml	93.960	1.358	127.597.680



Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
12	32	Dung dịch rửa và tạo dòng trong xét nghiệm huyết học	- Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để tạo dòng chảy phản ứng, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất ≥ 120 mẫu/giờ, ≥ 46 thông số. - Bao phủ dòng chảy của mẫu, đảm bảo chỉ 1 tế bào tại 1 thời điểm có thể đi qua điểm phát hiện. Ngăn ngừa tiếp xúc giữa dòng chảy của mẫu, ngăn ngừa bị tắc dòng chảy. Cung cấp môi trường trong suốt về mặt quang học mà dòng chảy của mẫu có thể được tập trung rõ ràng. - Đóng gói: ≤ 25 lít/ Hộp - Tiêu chuẩn : FDA/ISO 13485.	Nhóm 3	Lít	2.080	236.775	492.492.000
13	33	Lam kính đầu nhám 25.4x76.2mm	- Lam kính đầu nhám - Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: 25.4 x 76.2 (+/- 2) mm	Không phân nhóm	Miếng	105.450	250	26.362.500
14	34	Ống nghiệm chân không chứa hoạt chất KF + Na2 EDTA 2ml, ức chế đường phân	- Ống nghiệm chân không chứa hoạt chất KF + Na2 EDTA dạng phun sương thành ống, chống đông máu, đồng thời ức chế tốc độ phân hủy đường trong máu, dùng cho các xét nghiệm đường huyết. - Thể tích lấy mẫu: 2ml - Kích thước: 13 x 75 (+/- 2) mm; - Chất liệu ống: PET, trong suốt - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và kim có thể đâm xuyên qua khi lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE để bảo vệ, chống nứt vỡ - Tiệt khuẩn - Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Ống	33.000	2.013	66.429.000
15	35	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chống đông EDTA K2 4ml	- Dung dịch chất chống đông: K2 EDTA dạng phun sương trên thành ống. - Thể tích lấy mẫu chân không: 4ml - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản, và xét nghiệm. - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Ống	8.000	1.784	14.272.000
16	36	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Sodium Citrate 1,8ml	- Dung dịch chất chống đông: Sodium Citrate 3,2%. - Lượng chất chống đông: 0,2ml Sodium Citrate 3,2% - Thể tích lấy mẫu chân không: 1,8ml - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 2) mm; - Thành ống dày để duy trì lượng chân không và tránh biến đổi, hao hụt chất chống đông. - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản, và xét nghiệm. - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Nhãn được làm bằng nhựa Plastic tránh biến đổi - Ống đã được tiệt trùng - Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Ống	140.000	2.163	302.820.000

Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
17	40	Ống nghiệm lấy máu chân không Clot Activator 4ml	Ống chứa hoạt chất micronized silica dạng phun khô trên thành ống làm tăng sự đông máu. - Thể tích lấy mẫu: 4ml - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, trong suốt, - Nắp gồm 2 phần, phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và kim có thể đâm xuyên qua khi lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Ống	84.000	1.680	141.120.000
18	41	Ống nghiệm chân không EDTA K2 6ml vô trùng, phụ gia EDTA K2 10,8mg phun khô trên thành ống, cỡ 13x100mm	Dung dịch chất chống đông: K3 EDTA dạng phun sương trên thành ống. - Thể tích lấy mẫu chân không: 6ml - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 100 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cắm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng theo - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Cái	8000	2.486	19.888.000
19	44	Hóa chất định lượng Prolactin	Hóa chất định lượng prolactin Dải phân tích: $\leq 0,25$ đến ≥ 200 ng/mL -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Kháng thể (dê) kháng IgG chuột – kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng Prolactin, albumin huyết thanh bò (BSA) + Kháng thể (dê) kháng Prolactin – phosphatase kiềm (bò) - Đóng gói: ≤ 200 test/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE.	Nhóm 3	Test	1.500	34.986	52.479.000
20	45	Hóa chất định lượng Bilirubin liên hợp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp; dải đo: 0 đến $\geq 171 \mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate - Đóng gói: ≤ 200 mL/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE.	Nhóm 3	ml	3.040	35.569	108.129.760
21	52	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi Dung dịch dầu, lỏng, nhớt, trong suốt dùng soi kính hiển vi. Chỉ số khúc xạ khoảng 1,5 (gần với thủy tinh), cho hình ảnh thực khi soi.	Không phân nhóm	ml	1.500	2.560	3.840.000
22	54	Dung dịch rửa kim máy miễn dịch	Nước rửa kim, được sử dụng như một bước trong quy trình bảo dưỡng. Sau khi kim hút mẫu được vệ sinh, sử dụng dung dịch này để bảo vệ kim ngăn không cho các phần không đặc hiệu bám vào kim. - Thành phần: Tối thiểu gồm Huyết tương người đã vô khuẩn; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Đóng gói: ≤ 100 mL/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE.	Nhóm 3	ml	254	60.577	15.386.558
23	55	Dung dịch xử lý Trigger dùng cho máy miễn dịch	Dung dịch rửa cho kỹ thuật miễn dịch vi hạt hoá phát quang linh hoạt 2 bước rửa. - Tối thiểu chứa hydrogen peroxide; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Đóng gói: ≤ 5 lít/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE.	Nhóm 3	Lít	195	319.451	62.292.945



Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
24	56	Dung dịch tiền xử lý trên máy miễn dịch	Chất tiền xử lý sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần tối thiểu gồm hydrogen peroxide và polyethylene glycol octylphenyl ether - Đóng gói: ≤ 5 lít/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE.	Nhóm 3	Lít	195	803.525	156.687.375
25	63	Đầu côn hút thể tích 300 µL dùng cho máy Elisa tự động	Đầu côn hút hóa chất và mẫu dành cho các máy xét nghiệm ELISA tự động hoàn toàn - Chất liệu: nhựa - Thể tích: 300µl - Lớp trong đầu côn có phủ tính điện giúp nhận biết mức chất lỏng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 3	Tip	69.696	1.815	126.498.240
26	79	Ống nghiệm Serum 0,5ml, dung tích lấy máu 250 - 500µ	Ống nghiệm Serum 0,5ml vô trùng, dung tích lấy máu 250 - 500 µL. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 3	Cái	400	9.000	3.600.000
27	80	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin 0.5ml vô trùng	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin 0.5ml vô trùng, dung tích lấy máu 250 - 500 µL, - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 3	Cái	400	8.200	3.280.000
28	81	Ống nghiệm lấy máu EDTA K2 0,5ml vô trùng	Ống nghiệm lấy máu EDTA K2 0,5ml vô trùng, dung tích lấy máu 250 - 500 µl, - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 3	Cái	500	6.500	3.250.000
29	84	Ống nghiệm chân không glucose 2ml	Ống lấy máu chân không glucose vô trùng, chất liệu PET, phụ gia NaF 5.0 mg và potassium oxalate 4.0 mg phun khô trên thành ống. - Kích thước: 13x75 (+/- 2) mm - Chất liệu: Nhựa PET - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO 13485/ FDA/ CE	Nhóm 3	Cái	28.000	2.289	64.092.000
30	91	Hóa chất định lượng AT III so máu	Hóa chất xét nghiệm AT III - Đặc tính, công dụng: Định lượng mức hoạt động của antithrombin (AT) trong huyết tương bằng phương pháp sử dụng cơ chất tạo màu. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Thrombin bò, dạng đông khô. + Cơ chất máu, dạng đông khô. + Dung dịch hòa tan có heparin. - Đóng gói: ≤ 20 mL/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 3	ml	156	1.400.000	218.400.000
31	92	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2 kháng thể đơn dòng	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer có mã vạch trên hộp thuốc thử - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Dung dịch đệm Tris buffer + Dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi hai kháng thể đơn dòng chuột khác nhau kháng D-dimer người. - Đóng gói: ≤ 200 mL/hộp - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 3	ml	8.184	302.430	2.475.087.120

Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
32	93	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S - Đặc tính, công dụng: Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S bằng phương pháp đo từ nhằm tránh sự ảnh hưởng của huyết tương đục, tán huyết.... Sản phẩm cho phép phát hiện các thiếu hụt protein S dựa vào yếu tố Va. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Huyết tương từ người, làm lạnh khô, không có protein S. + Protein C hoạt hoá từ người, làm lạnh khô. + Nguyên liệu có chứa yếu tố Va từ bò, làm lạnh khô. - Đóng gói: ≤ 20 mL/hộp -Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 3	ml	180	2.362.500	425.250.000
33	98	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 1000ml	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Thể tích 1000ml, - Kích thước 200 x 131x 42 (+/- 5) mm, - Đáy bằng, miệng hẹp - Chịu nhiệt 250°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	Không phân nhóm	Cái	20	154.440	3.088.800
34	99	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 250ml	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Thể tích 250ml, - Kích thước cao 140 x 85 x 34 (+/- 5) mm, - Đáy bằng, miệng hẹp - Chịu nhiệt 250°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	Không phân nhóm	Cái	20	84.240	1.684.800
35	100	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 500ml	Bình cầu thủy tinh dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Thể tích 500ml, - Kích thước 170 x 105 x 34 (+/- 5) mm, - Đáy bằng, miệng hẹp - Chịu nhiệt 250°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	Không phân nhóm	Cái	20	113.400	2.268.000
36	101	Chai thủy tinh chia vạch dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, thể tích 500ml	Chai thủy tinh chia vạch dùng để chứa, đun, hấp và điều chế môi trường trong vi sinh, - Bể thủy tinh, có nắp vận bằng nhựa PP, vòng đệm nhựa PP giúp không động nước, - Thể tích 500ml, thân có chia vạch, - Chịu nhiệt 250°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn.	Không phân nhóm	Cái	20	93.000	1.860.000
37	102	Nam châm khuấy từ	Nam châm khuấy từ dùng trộn dung dịch cho máy khuấy từ, máy khuấy từ gia nhiệt, - Bể kim loại phủ PTFE, chống ăn mòn, kháng axit và kiềm, - Kích thước: 50 x 8 (+/- 2) mm, - Chịu nhiệt.	Không phân nhóm	Cái	20	63.800	1.276.000
38	103	Ổng đong dung dịch, thể tích 1000ml	Ổng đong dung dịch dùng để đong thể tích dung dịch trong việc điều chế môi trường dinh dưỡng, phân lập và định danh vi khuẩn - Bể nhựa PP trong suốt, có chia vạch, - Thể tích: 1000ml, - Chịu nhiệt 121°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	Không phân nhóm	Cái	20	551.880	11.037.600
39	104	Ổng đong dung dịch, thể tích 25ml	Ổng đong dung dịch dùng để đong thể tích dung dịch trong việc điều chế môi trường dinh dưỡng, phân lập và định danh vi khuẩn - Bể thủy tinh trong suốt, có chia vạch, - Thể tích: 25ml, - Chịu nhiệt 121°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	Không phân nhóm	Cái	20	54.000	1.080.000



Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
40	105	Ông đong dung dịch, thể tích 500ml	Ông đong dung dịch dùng để đong thể tích dung dịch trong việc điều chế môi trường dinh dưỡng, phân lập và định danh vi khuẩn - Bảng nhựa PP trong suốt, có chia vạch, - Thể tích: 500ml, - Chịu nhiệt 121°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	Không phân nhóm	Cái	20	130.000	2.600.000
41	106	Ông hút thủy tinh dùng để hút môi trường, hóa chất	Ông hút thủy tinh dùng để hút môi trường, hóa chất trong vi sinh - Bảng thủy tinh, - Thể tích 25ml, thân có chia vạch đo chính xác đến vạch cuối cùng, - Chịu nhiệt : 250°C, chống hầu hết các loại hóa chất ăn mòn	Không phân nhóm	Cái	20	39.800	796.000
42	108	Đĩa Petri	Đĩa Petri, môi trường nuôi cấy vi sinh, sử dụng một lần: - Chất liệu: Nhựa polystyrene trong suốt. - Hộp tròn có nắp, nắp và thân đĩa phẳng, trong suốt, đường kính 90 (+/- 5) mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 5	Cái	120.000	1.680	201.600.000
Tổng cộng:								5.651.150.298

(Bảng chữ: Năm tỷ, sáu trăm năm mươi một triệu, một trăm năm mươi ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng)